

Tài liệu hướng dẫn cấu hình INTERNET HUB AX1800GZ / AX 3000GZ

MỤC LỤC

1.TỔNG QUAN THIẾT BỊ.....	1
1.1 Hình ảnh, giới thiệu thiết bị	1
1.2 Chức năng	2
1.3 Đặc điểm kỹ thuật AX 1800GZ	2
1.3.1 Đặc điểm kỹ thuật 3000GZ	3
1.4 Năng lực thiết bị	4
1.5. Trạng thái đèn	5
2. CẤU HÌNH CHI TIẾT	5
2.1.Đăng nhập WepGui	5
2.2 Cấu hình ONT	6
2.3 Cấu hình WIFI : SSID name , Password, giới hạn số lượng client	7
2.4 Cấu hình tách sóng WIFI	10
2.5. Cấu hình IGMP	11
2.6 Cấu hình SNTP	12
2.7 Cấu hình MESH 1800 GZ& 3000GZ	13
2.8. Chặn thiết bị truy cập (chặn MAC)	14
2.9. Cấu hình PORT FORWARDING	15
3.0 Cấu hình bật Remote web	16

1.TỔNG QUAN THIẾT BỊ

1.1 Hình ảnh, giới thiệu thiết bị

-Mục đích:

Tài liệu hướng dẫn cấu hình và lắp đặt cho thiết bị ONT AX1800GZ & 3000GZ

1.1. Hình ảnh



1.2 Chức năng

- Chỉ sử dụng thiết bị INTERNET HUB AX1800GZ / AX 3000GZ làm ONT

1.3 Đặc điểm kỹ thuật AX 1800GZ

Model: ZTE F6600

Main CHIP	ZX279128S
WiFi CHIP	MT7915 & MT7975
ROM	128MB
RAM	256MB
CPU speed	dual-core A9 with 1000MHz frequency
Gain	2.4Ghz: 5dbi 5Ghz: 5dbi
EIRP	2.4G: 20 dbm 5G: 26 dbm
LAN Port	10/100/1000 Mbps
Antenna Type	External
Power Supply (Power adapter)	12V – 2A
Size	210mm (L) x 130mm (W) x 35mm (H)
Operating Temperature	0°C ~ +40°C

1.3.1 Đặc điểm kỹ thuật 3000GZ

Model: ZTE ZXHN F6600P

Main CHIP	ZX279128S
-----------	-----------

WiFi CHIP	MT7915 & MT7975
ROM	128MB
RAM	256MB
CPU speed	dual-core A9 with 1000MHz frequency
Gain	2.4Ghz: 5dbi 5Ghz: 5dbi
EIRP	2.4G: 20 dbm 5G: 26 dbm
LAN Port	10/100/1000 Mbps
Antenna Type	External
Power Supply (Power adapter)	12V – 2A
Size	210mm (L) x 130mm (W) x 35mm (H)
Operating Temperature	0°C ~ +40°C

1.4 Năng lực thiết bị

- ☐ Thiết bị INTERNET HUB AX1800GZ /3000GZ đáp ứng tốt cho 20 client và tối đa 32 client kết nối qua wifi (tính trên cả 2 băng tần) và 4 client kết nối LAN phù hợp với mạng gia đình (có thể kết nối hỗ trợ tối đa 30 thiết bị qua LAN thông qua Switch)
- ☐ Tốc độ throughput LAN-WAN: đạt chuẩn fast ethernet 10/100/1000 Mbps
- ☐ Hỗ trợ chuẩn phát wifi: 802.11 b/g/n/ac/ax.

□ Một ONT Internet Hub AX1800GZ / 3000GZ triển khai tối đa 6 FPT Play Box

1.5. Trạng thái đèn

No.	LED hiển thị	Trạng thái	Mô tả
1	POWER	Sáng xanh lá, đứng	ONT đã được cung cấp nguồn điện
		Tắt	ONT off
2	PON	Sáng xanh lá, đứng	ONT đã được kết nối tín hiệu quang
		Tắt	ONT chưa có kết nối tín hiệu quang
3	LOS	Nháy vàng	ONT không có tín hiệu quang
		Tắt	ONT đã được kết nối tín hiệu quang
4	INTERNET	Sáng xanh lá, đứng	ONT đã kết nối tín hiệu quang, chưa online
		Sáng xanh lá, nháy	ONT đã online
		Tắt	ONT chưa online
5	LAN	Sáng xanh lá, đứng	ONT có kết nối LAN
		Sáng xanh lá, nháy	Đang nhận và truyền tải qua LAN
		Tắt	ONT không có Kết nối LAN
6	WIFI	Sáng xanh lá, đứng	WIFI đang hoạt động bình thường
		Sáng xanh lá, nháy	WIFI có CLIENT đang kết nối
		Tắt	WIFI disable
7	WPS	Sáng xanh lá, đứng	WPS đang hoạt động bình thường
		Tắt	WPSdisable
8	USB	Sáng xanh lá, đứng	USB đang hoạt động bình thường
		Tắt	USB disable

2. CẤU HÌNH CHI TIẾT

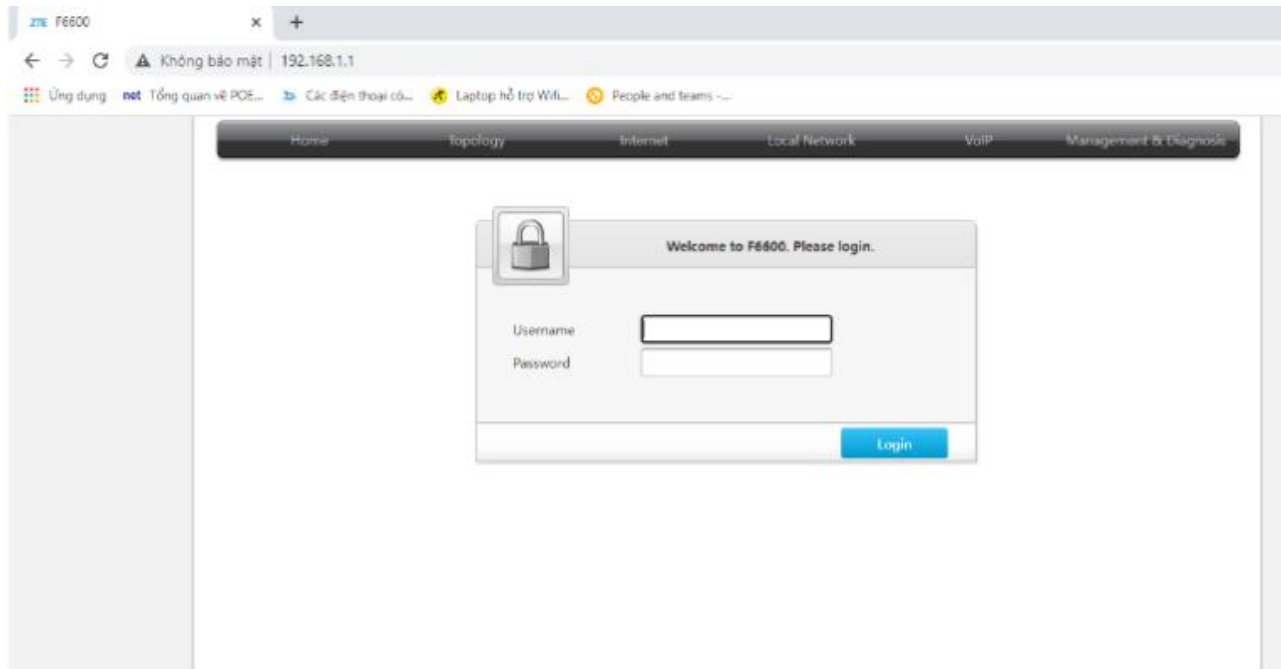
2.1. Đăng nhập WepGui

Thực hiện kết nối với wifi của thiết bị bằng SSID/Password được in tại nhãn thiết bị. Hoặc sử dụng dây LAN. Truy cập vào thiết bị INTERNET HUB AX1800GZ thông qua địa chỉ IP: 192.168.1.1

□ Điền thông tin đăng nhập như sau:

Username: admin

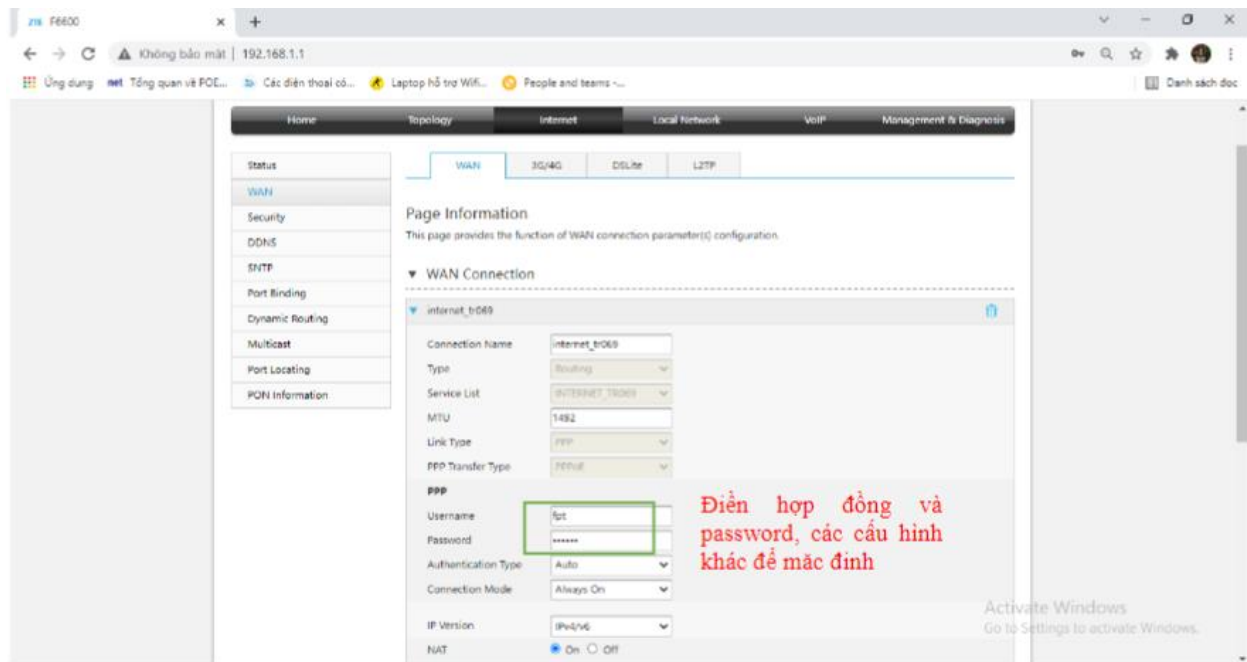
Password: Web@0063 có thể là số hợp đồng .



2.2 Cấu hình ONT

□ Cấu hình Wan

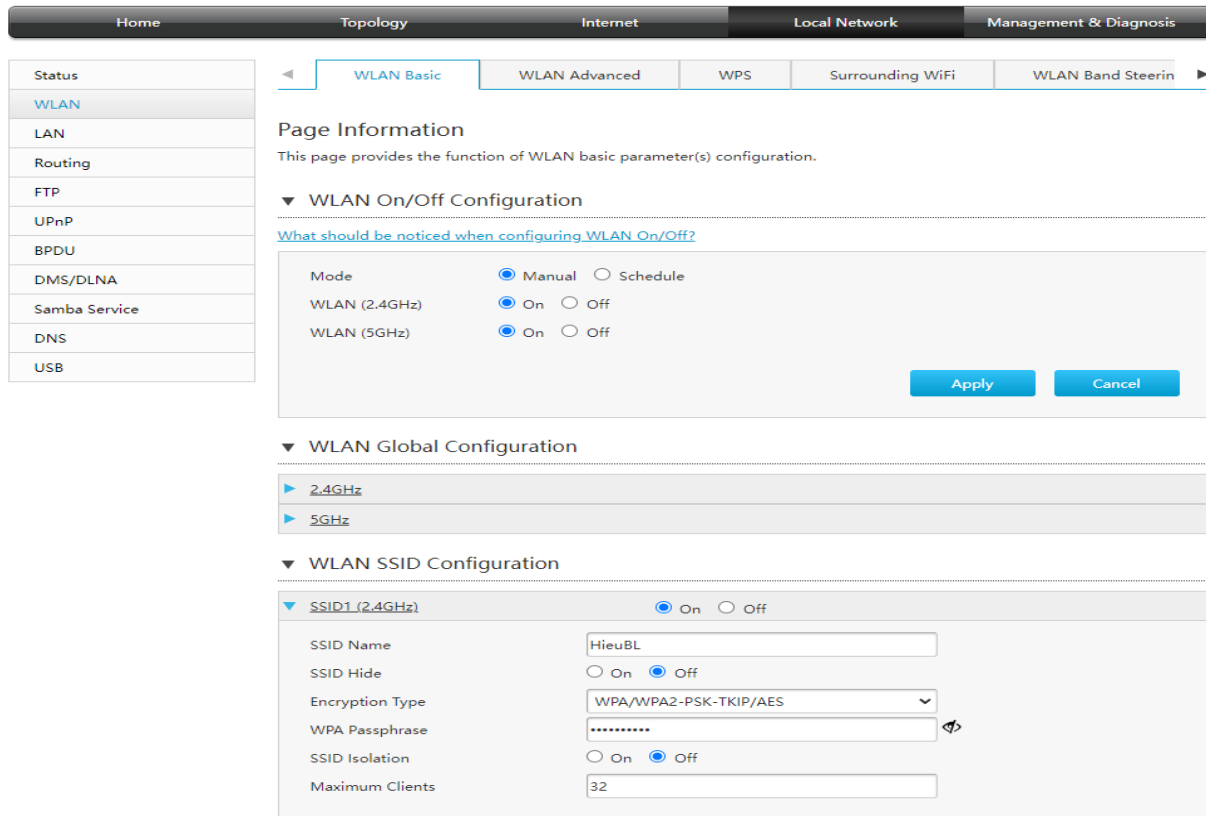
Truy cập: Internet => WAN => Điền PPPoe và Password là số hợp đồng bỏ mã vùng.



2.3 Cấu hình WIFI : SSID name , Password, giới hạn số lượng client

- **Truy cập** : Local Network => WLAN => WLAN Basic => WLAN SSID Configuration

- Thực hiện chọn cấu hình SSID1
- Cài đặt tên Wifi tại mục **SSID Name**.
- Cài đặt mật khẩu tại mục **WPA Pasphrase**.

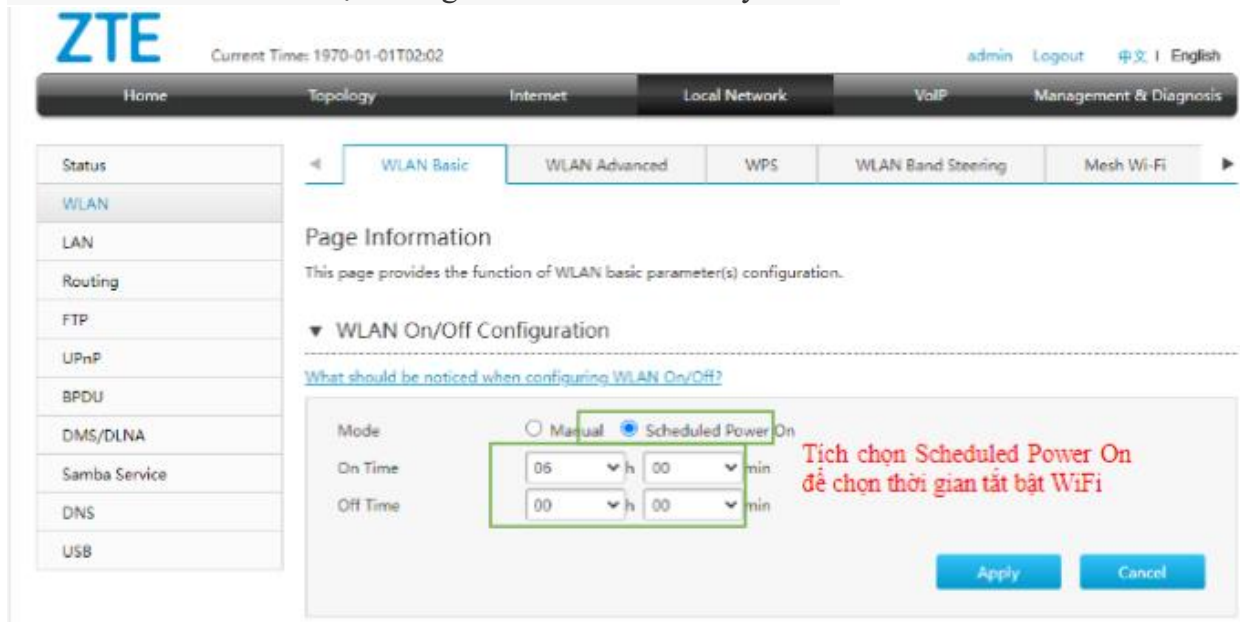


The screenshot shows the 'Local Network' tab in the router's configuration interface. The 'WLAN Basic' sub-tab is selected. The 'WLAN On/Off Configuration' section shows 'Mode' set to 'Manual' and 'WLAN (2.4GHz)' and 'WLAN (5GHz)' both set to 'On'. The 'WLAN Global Configuration' section shows '2.4GHz' and '5GHz' tabs. The 'WLAN SSID Configuration' section is expanded for 'SSID1 (2.4GHz)', showing 'SSID Name' as 'HieuBL', 'SSID Hide' as 'Off', 'Encryption Type' as 'WPA/WPA2-PSK-TKIP/AES', 'WPA Passphrase' as a masked password, 'SSID Isolation' as 'Off', and 'Maximum Clients' as '32'.

Lưu ý: Sau khi cấu hình xong SSID1 2.4Ghz và Password, thì SSID/Password này sẽ được tự động copy config cho SSID5 5Ghz.

- **WLAN On/Off Configuration:** để chỉnh tắt bật WiFi ở các băng tần, thời gian tắt bật WiFi

- Schedule Power On - chọn thời gian ON/OFF WIFI tùy chỉnh



The screenshot shows the ZTE router's web management interface. The top navigation bar includes links for Home, Topology, Internet, Local Network, VoIP, and Management & Diagnosis. The left sidebar lists various network settings: Status, WLAN (selected), LAN, Routing, FTP, UPnP, BPDU, DMS/DLNA, Samba Service, DNS, and USB. The main content area is titled 'WLAN Basic' and contains a 'Page Information' section stating that this page provides the function of WLAN basic parameter(s) configuration. Below this is the 'WLAN On/Off Configuration' section, which includes a note: 'What should be noticed when configuring WLAN On/Off?'. The configuration options are:

- Mode: Two radio buttons are present, 'Manual' and 'Scheduled Power On'. The 'Scheduled Power On' option is selected and highlighted with a green box.
- On Time: Two dropdown menus are shown, with '05' selected for hours and '00' for minutes. This section is also highlighted with a green box.
- Off Time: Two dropdown menus are shown, with '00' selected for hours and '00' for minutes. This section is also highlighted with a green box.

 To the right of these fields, there is a red text annotation: 'Tích chọn Scheduled Power On để chọn thời gian tắt bật WiFi'. At the bottom right of the configuration area are 'Apply' and 'Cancel' buttons.

2.4 Cấu hình tách sóng WIFI

Tách sóng nhằm mục đích người dùng cần cài đặt các thiết bị thông minh, các thiết bị camera, robot hút bụi ,thiết bị đời cũ... chỉ hỗ trợ băng tần 2.4Ghz .

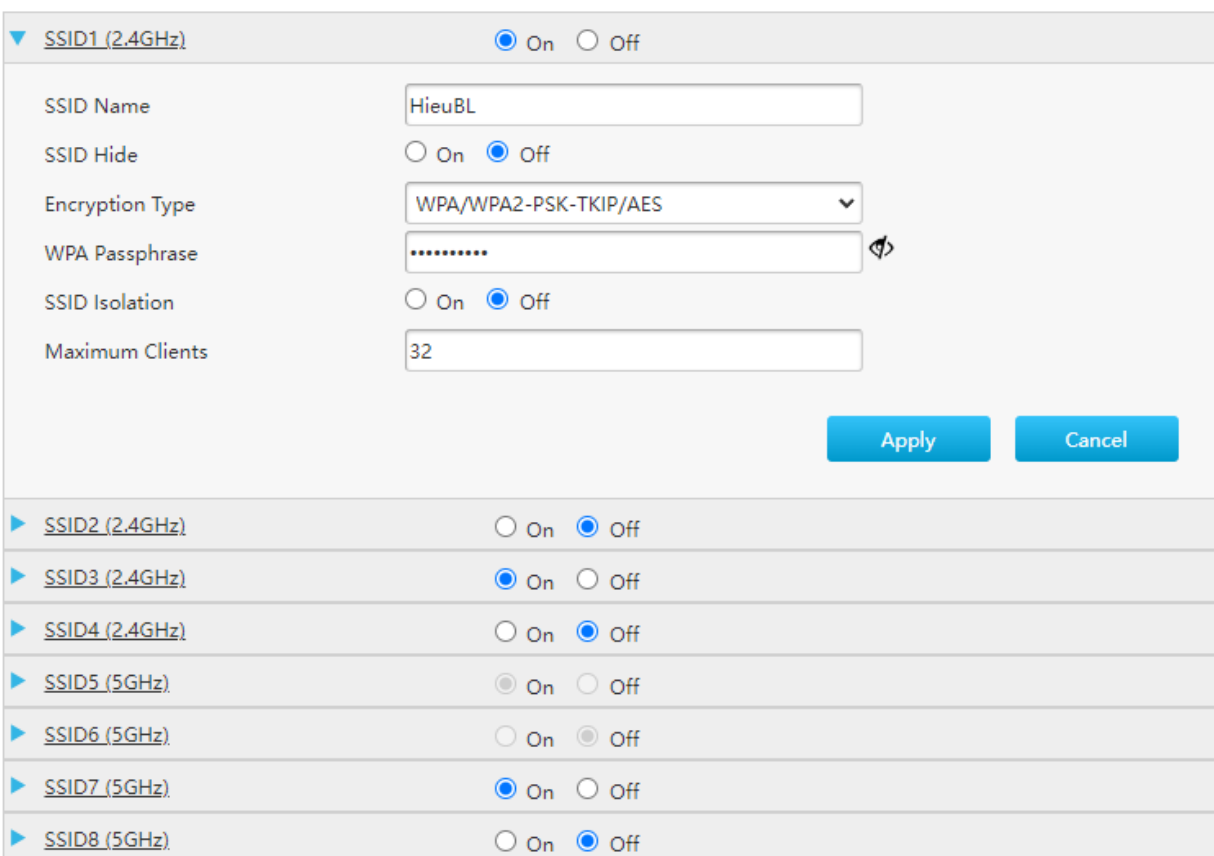
-Chọn: Local Network => WLAN => WLAN Basic => WLAN SSID Configuration

1. Thực hiện bật On băng tần 2.4Ghz tại mục SSID3 hoặc SSID4 thực hiện Kích đúp vào đặt tên Wifi và mật khẩu (chú ý đã tách sóng nên đặt Tên + mật khẩu khác với SSID1 và SSID5)

2. Thực hiện On băng tần 5Ghz nếu khách có nhu cầu sử dụng thêm tại SSID7 hoặc SSID 8.

P/S: Với mô hình chạy Converter + ACP AX1800GZ, không thực hiện đổi được mật khẩu trên Hifpt với 2 sóng 2.4Ghz và 5Ghz đã tách này. Chỉ đổi được SSID 1 và SSID 5 qua App Hifpt (tool omni chỉ cần đổi 2.4G sóng 5G cũng tự cập nhật).

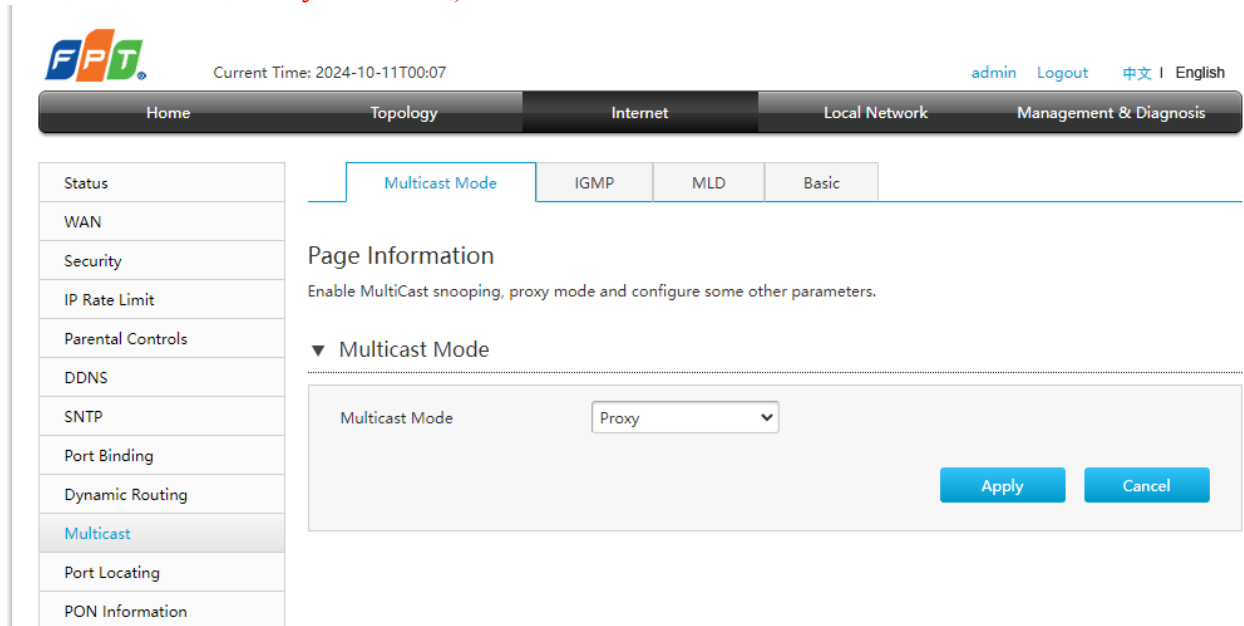
▼ WLAN SSID Configuration



SSID	Frequency	On/Off
SSID1	2.4GHz	On
SSID2	2.4GHz	Off
SSID3	2.4GHz	On
SSID4	2.4GHz	Off
SSID5	5GHz	On
SSID6	5GHz	Off
SSID7	5GHz	On
SSID8	5GHz	Off

2.5. Cấu hình IGMP

Truy cập : Internet=> Multicast => Multicast Mode để cấu hình IPTV chọn các mode multicast (**khuyến cáo** để mặc định chế độ **Proxy** của thiết bị)



The screenshot shows the FPT Telecom web interface. At the top, there is a navigation bar with the FPT logo, current time (2024-10-11T00:07), and user information (admin, Logout, 中文 | English). Below the navigation bar, there are tabs for Home, Topology, Internet, Local Network, and Management & Diagnosis. The Internet tab is selected, and within it, the Multicast Mode sub-tab is active. The page title is "Page Information" with a subtitle "Enable MultiCast snooping, proxy mode and configure some other parameters." Below this, there is a section titled "Multicast Mode" with a dropdown menu set to "Proxy". At the bottom right of the configuration area, there are "Apply" and "Cancel" buttons. On the left side of the interface, there is a sidebar menu with various configuration options: Status, WAN, Security, IP Rate Limit, Parental Controls, DDNS, SNTP, Port Binding, Dynamic Routing, Multicast (highlighted), Port Locating, and PON Information.

2.6 Cấu hình SNTP

Truy cập: Internet => SNTP để cài đặt thời gian hiển thị trên ONT & sẽ cấu hình với những thông tin khoanh đỏ như ở ảnh dưới đây.

▼ SNTP

Current Date and Time	1970-01-01T07:42:47
Time Zone	(GMT+07:00) Bangkok, Hanoi
NTP Server 1	vn.pool.ntp.org
NTP Server 2	asia.pool.ntp.org
NTP Server 3	
NTP Server 4	
NTP Server 5	
Poll Interval	86400 s
DSCP	

Apply Cancel

2.7 Cấu hình MESH 1800 GZ& 3000GZ



- Bước 1: Sau khi đã thực hiện hoàn tất cấu hình của INTERNET HUB AX1800GZ (Enable MESH), tiến hành “RESET” cứng thiết bị AX1800AZ và cắm dây từ port LAN của AX1800GZ(Controller) vào WAN của AP AX1800AZ (Agent)

- Bước 2: Theo dõi đèn tín hiệu trên AP AX1800AZ (agent). Khi nào đèn tín hiệu chuyển từ nhấp nháy đỏ sang sáng đứng xanh lá thì là đã mesh thành công. Làm tương tự với các AP còn lại

- Bước 3: Ngắt kết nối dây LAN, chuyển thiết bị AP Agent đến các vị trí lắp đặt và cắm nguồn cho các AP

Lưu ý: Để chất lượng mesh tốt nhất, đặt vị trí các AP Agent sao cho đèn tín hiệu xanh sáng đứng, nếu ở vị trí đèn xanh nhấp nháy liên tục có nghĩa là vị trí đặt AP Agent hiện tại quá xa với Controller (RSSI> -70dbm) sẽ ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.

Giai thích B1 chi tiết

- -AX1800GZ (chọn Mode controller) -Bật Mode controller vào mục Management & Diagnosis > Work mode > chọn Controller
- **AX1800AX (agent) reset cứng trước**-Kết nối từ cổng LAN của INTERNET HUB AX1800GZ vào cổng WAN của AP AX1800AZ khi đó AP tự động mesh với ONT và sẽ chạy mode Agent

Bước 4 : Sau khi MESH thành công có thể kiểm tra thêm thông tin mesh topology trên controller: Login AX1800GZ Controller xem như ảnh bên dưới :



2.8. Chặn thiết bị truy cập (chặn MAC)

Truy cập:Internet => Security => Filter Criteria=> MAC Filter để chặn thiết bị

Tự nhập MAC muốn chặn, hoặc chọn trong list danh sách các thiết bị đang kết nối tới Modem (click Select from the associated devices sẽ hiện all thiết bị đang kết nối)


Current Time: 2024-10-11T00:40
admin Logout 中文 | English

Home
Topology
Internet
Local Network
Management & Diagnosis

Firewall
Filter Criteria
Local Service Control
ALG
DMZ
Port Forw

Status

WAN

Security

IP Rate Limit

Parental Controls

DDNS

SNTP

Port Binding

Dynamic Routing

Multicast

Port Locating

PON Information

Page Information

This page provides the function of filter criteria parameter(s) configuration.

Filter Switch And Mode Configuration

IP Filter

MAC Filter

New Item

Name

Type

Protocol

Source MAC Address

Select from the associated devices

Host Name: [Xiaomi-Pad-6-Pro]-MAC Address: [7e:70:15:92:85:6a]

Host Name: [H6c_BC9199061_EZVIZ]-MAC Address: [54:d6:0d:f0:ac:73]

Host Name: [H6c_BC9199197_EZVIZ]-MAC Address: [54:d6:0d:f0:de:bf]

Host Name: [Smart TV Pro]-MAC Address: [e8:ca:c8:ad:3d:76]

Host Name: [Redmi-K50-Pro]-MAC Address: [ee:ee:ee:7c:92:9b]

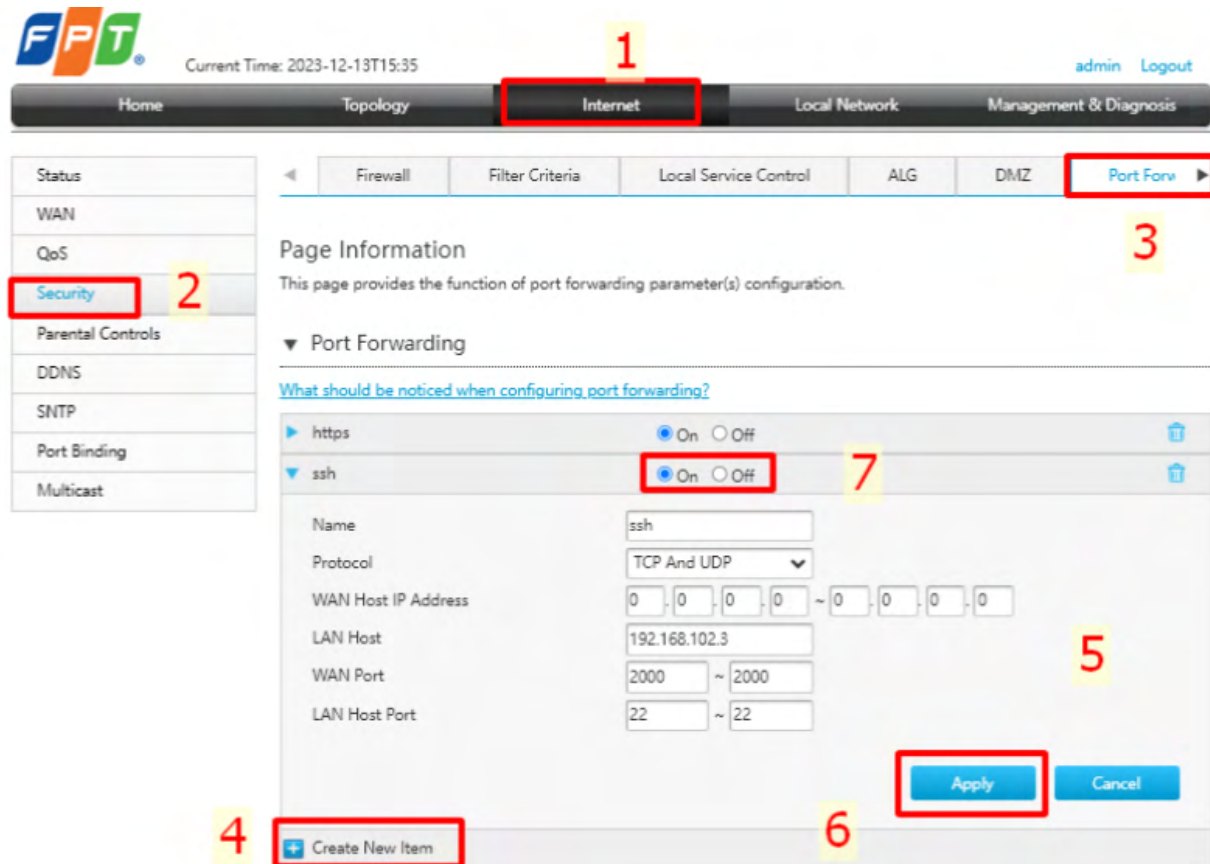
Hide

2.9. Cấu hình PORT FORWARDING

Truy cập : Internet => Security => Port Forwarding => Create New Item

- Protocol: Chọn giao thức cho phép truy cập TCP/UDP
- WAN Host IP Address: chỉ định 1 IP WAN được phép truy cập hoặc cho phép tất cả IP WAN (thì để nguyên mặc định)
- LAN Host: chọn IP LAN muốn mở port
- Wan Port: mở port wan,
- Lan Host Port: chọn range port muốn mở trong LAN

Tham khảo hình dưới đây :

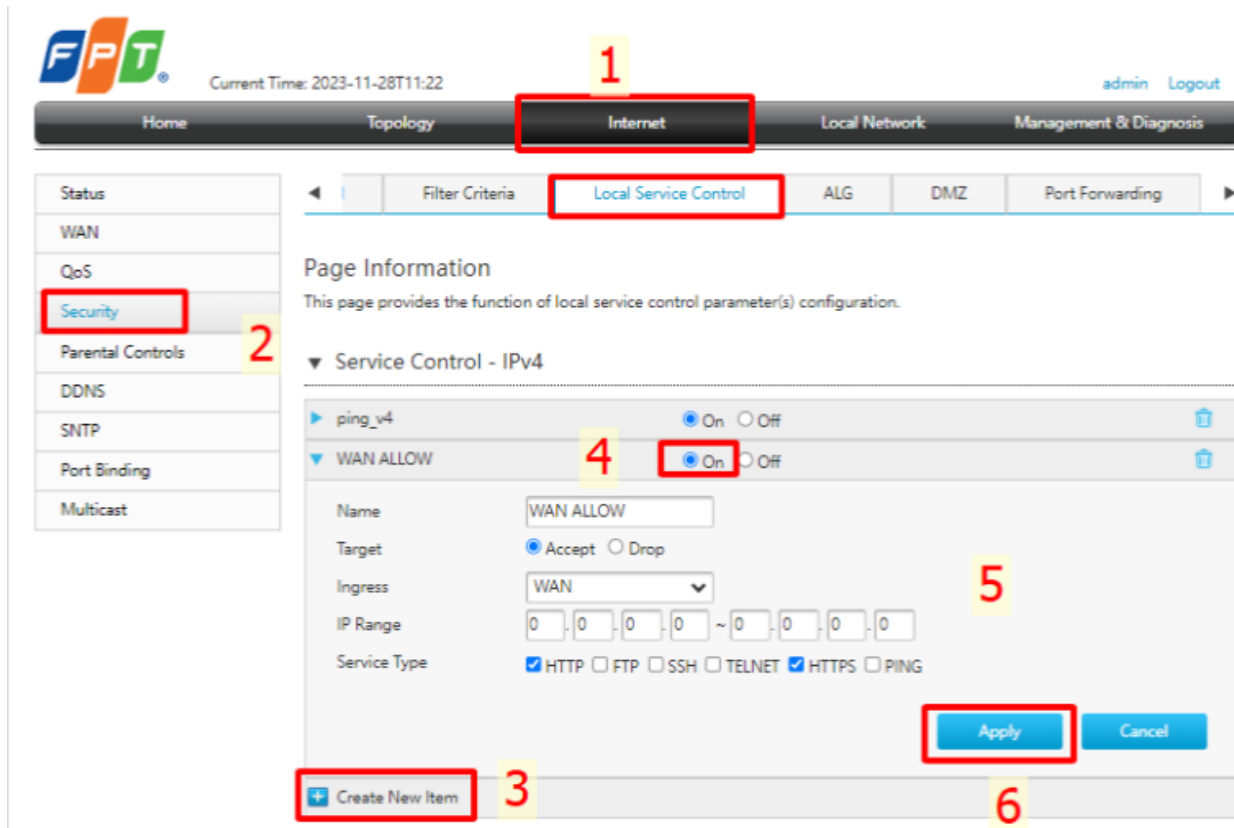


The screenshot displays the FPT Telecom web interface for configuring Port Forwarding. The top navigation bar shows 'Internet' (1) selected. The left sidebar shows 'Security' (2) selected. The main content area shows 'Port Forwarding' (3) selected. The 'Port Forwarding' section includes a list of items with 'ssh' (7) selected. The configuration fields for 'ssh' are visible, including Name, Protocol (TCP And UDP), WAN Host IP Address, LAN Host (192.168.102.3), WAN Port (2000), and LAN Host Port (22) (5). The 'Apply' button is highlighted (6), and the 'Create New Item' button is highlighted (4).

3.0 Cấu hình bật Remote web

Internet => Security => Local Service Control => Create New Item

- Tích cho phép sử dụng remote web bằng http/https



Để truy cập modem từ xa cần :

- Remove Nat
- Bật **On** mục Service Control
- Remote Service Port Control-IPV4 cần mở cổng **HTTP 81**

>> Truy cập từ xa kết nối như sau địa chỉ IP + port 81 –Login WEPGUI bằng User + Password giống như truy cập WEPGUI 192.168.1.1

- Diễn giải : <http://118.70.180.80:81> user admin / pass ZTEGDXXXXX.

Tham khảo cài đặt như ảnh dưới đây :

Home	Topology	Internet	Local Network	Management & Diagnosis
------	----------	----------	---------------	------------------------

Status

WAN

Security

IP Rate Limit

Parental Controls

DDNS

SNTP

Port Binding

Dynamic Routing

Multicast

Port Locating

PON Information

Firewall
Filter Criteria
Local Service Control
ALG
DMZ
Port Forw

Page Information

This page provides the function of local service control parameter(s) configuration.

▼ Service Control - IPv4

Remote Wep
☒ On ☐ Off
🗑

Name

Target ☒ Allow ☐ Discard

Ingress WAN

IP Range 0 . 0 . 0 . 0 ~ 0 . 0 . 0 . 0

Service Type ☒ HTTP ☒ FTP ☒ TELNET ☒ HTTPS ☒ PING

Apply
Cancel

+ Create New Item

► Service Control - IPv6

▼ Remote Service Port Control - IPv4

HTTP	81
FTP	21
TELNET	23
HTTPS	443

Apply
Cancel

3.1. Quản lý truy cập (Parental Controls)

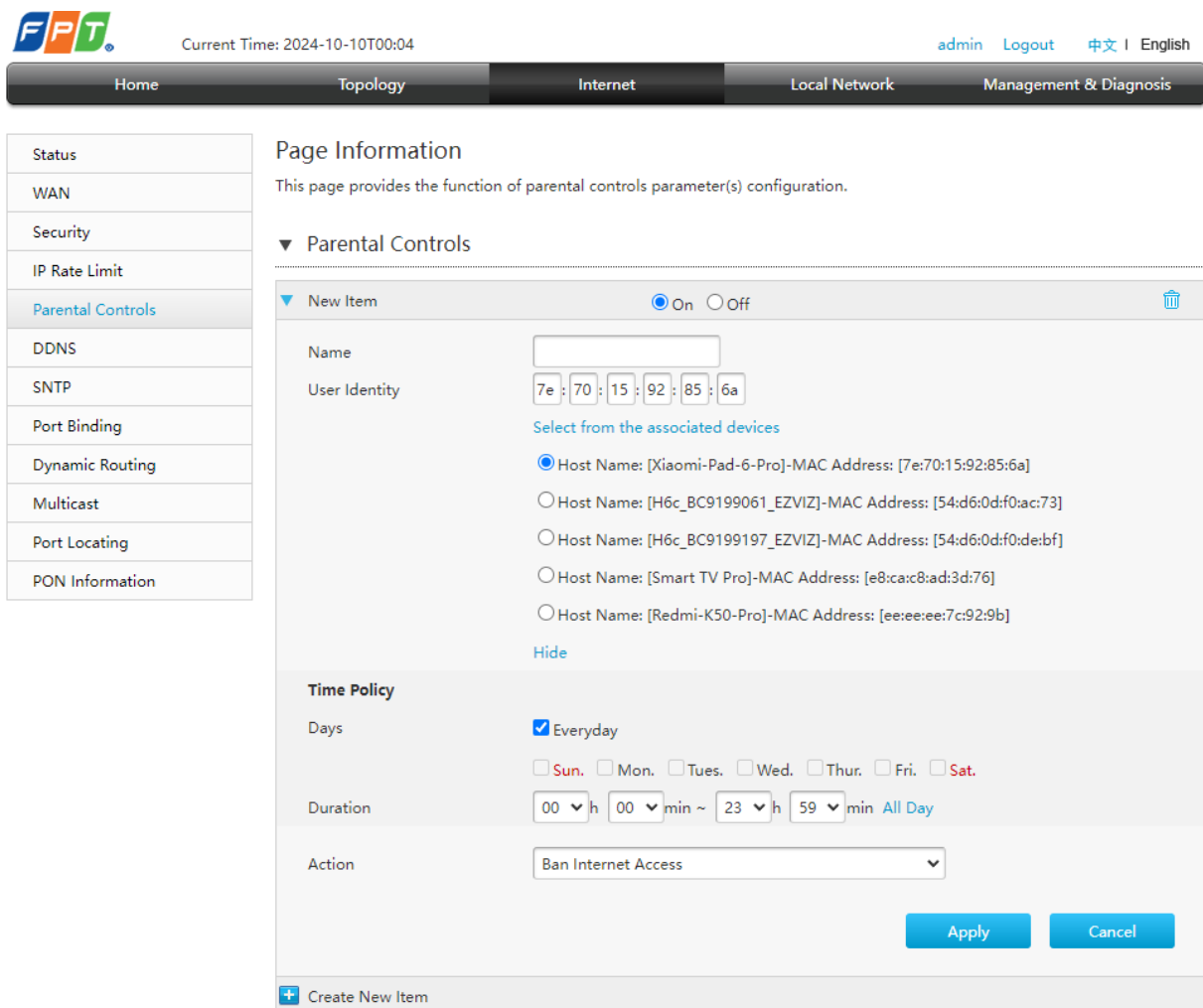
Chọn : Internet > Parental Controls > New item > ON> -Chọn list thiết bị cần chặn khi kích vào Select from the associated devices

Mục Time Policy :

-Days : Chọn tích Everyday nếu muốn mặc định chặn tất cả ngày trong tuần , hoặc bỏ tích , chọn các ngày cần chặn trong tuần

-Duration : Chọn khoảng thời gian cần chặn.

- Action : Chọn Chặn hoàn toàn internet chọn Ban internet Access, hoặc chọn chặn URL



Current Time: 2024-10-10T00:04

admin Logout 中文 | English

Home Topology Internet Local Network Management & Diagnosis

Status

WAN

Security

IP Rate Limit

Parental Controls

DDNS

SNTP

Port Binding

Dynamic Routing

Multicast

Port Locating

PON Information

Page Information

This page provides the function of parental controls parameter(s) configuration.

▼ Parental Controls

▼ New Item ☒ On ☐ Off

Name

User Identity 7e : 70 : 15 : 92 : 85 : 6a

Select from the associated devices

☒ Host Name: [Xiaomi-Pad-6-Pro]-MAC Address: [7e:70:15:92:85:6a]

☐ Host Name: [H6c_BC9199061_EZVIZ]-MAC Address: [54:d6:0d:f0:ac:73]

☐ Host Name: [H6c_BC9199197_EZVIZ]-MAC Address: [54:d6:0d:f0:de:bf]

☐ Host Name: [Smart TV Pro]-MAC Address: [e8:ca:c8:ad:3d:76]

☐ Host Name: [Redmi-K50-Pro]-MAC Address: [ee:ee:ee:7c:92:9b]

Hide

Time Policy

Days ☒ Everyday

☐ Sun. ☐ Mon. ☐ Tues. ☐ Wed. ☐ Thur. ☐ Fri. ☐ Sat.

Duration 00 h 00 min ~ 23 h 59 min All Day

Action Ban Internet Access

Apply Cancel

Create New Item